

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 2178/QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, danh mục dự toán triển khai ứng dụng công nghệ thông tin năm 2012 của Tổng cục Hải quan

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2699/QĐ-BTC ngày 10/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-BTC ngày 12/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-BTC ngày 14/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán triển khai ứng dụng công nghệ thông tin năm 2012;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, danh mục dự toán triển khai ứng dụng công nghệ thông tin năm 2012 của Tổng cục Hải quan theo phụ lục đính kèm.

Nguồn kinh phí triển khai thực hiện: Bố trí từ dự toán kinh phí chưa phân bổ tại mục 2.6, Quyết định số 661/QĐ-BTC ngày 12/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Tổng cục Hải quan:

1.1. Đối với các nội dung lập dự án: Tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 2699/QĐ-BTC ngày 10/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

1.2. Đối với các nội dung không phải lập dự án: Tổ chức thực hiện mua sắm các thiết bị, dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26/4/2012 Quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và quy định của Bộ Tài chính.

1.3. Chịu trách nhiệm đảm bảo hoàn thành lựa chọn nhà thầu trước ngày 30/11/2012.

2. Giao Cục Tin học và Thống kê tài chính:

- Chủ trì thẩm định đấu thầu các gói thầu Tổng cục Hải quan trình Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ Tài chính.

- Thẩm định các dự án theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 2699/QĐ-BTC ngày 10/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính: Phối hợp với Tổng cục Hải quan và Cục Tin học-Thống kê tài chính triển khai thực hiện các công việc liên quan theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 1515/QĐ-BTC ngày 14/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán triển khai ứng dụng công nghệ thông tin năm 2012.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.



KẾ HOẠCH DANH MỤC DỰ TOÁN TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2012

(Kèm theo Quyết định số

Đơn vị: Tổng cục Hải quan
/QĐ-BTC ngày / 8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Phê duyệt tại Quyết định số 1515/QĐ-BTC Năm 2012						Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Năm 2012						Ghi chú
		SL	Tổng cộng	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	SL	Tổng cộng	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7
TỔNG CỘNG:			449.525.615	10.439.300	199.187.875		239.908.440		427.370.296	3.481.080	216.556.668	1.228.000	206.104.548	
A	THANH TOÀN CÁC HỢP ĐỒNG BÀ KỲ		49.590.515		49.590.515				49.590.515		49.590.515			
1	Các nội dung lập dự án phần mềm		49.590.515		49.590.515				49.590.515		49.590.515			
1.1	Xây dựng phần mềm nghiệp vụ hải quan tích hợp thuộc Đề án nâng cấp hệ thống CNTT tại TP HCM (hợp đồng số 012009/HĐKT/TCHQ/CNTT-FPT/FSIS)		9.595.399		9.595.399				9.595.399		9.595.399			
1.1.1	Xây dựng phần mềm nghiệp vụ hải quan tích hợp thuộc Đề án nâng cấp hệ thống CNTT tại TP HCM (hợp đồng số 012009/HĐKT/TCHQ/CNTT-FPT/FSIS)		5.470.799		5.470.799				5.470.799		5.470.799			
1.2	Xây dựng HTTT quản lý DN phục vụ kiểm tra STQ và quản lý rủi ro (QĐ 1459) (Hợp đồng số 032010/HĐKT/TCHQ/CNTT-FPT/FSIS ngày 15/03/2010)		291.000		291.000				291.000		291.000			
1.3	Xây dựng HTTT quản lý d & liên giá tính thuế theo TT (Hợp đồng số 022010/HĐKT/TCHQ/CNTT-FPT/FSIS ngày 10/02/2010)		1.171.000		1.171.000				1.171.000		1.171.000			
1.4	Xây dựng công trình phần mềm quản lý giai đoạn I (Hợp đồng số 0306-10/HĐKT/TCHQ-CMC ngày 23/07/2010)		479.000		479.000				479.000		479.000			
1.5	Xây dựng và triển khai phiên bản 3 hệ thống thông quan điện tử (Hợp đồng số 012011/HĐKT/TCHQ/CNTT-FPT/FSIS ngày 28/04/2011)		2.183.600		2.183.600				2.183.600		2.183.600			
2	Phần cứng		28.425.036		28.425.036				28.425.036		28.425.036			
2.1	Mua sắm và triển khai lắp đặt trang thiết bị CNTT cho các đơn vị Hải quan theo hợp đồng số 01-062011/HĐKT/TCMC-TCHQ		9.518.686		9.518.686				9.518.686		9.518.686			
2.2	Mua sắm và triển khai lắp đặt trang thiết bị CNTT cho TTDL của TCHQ và các Cục Hải quan theo hợp đồng số 04-052011/HĐKT/TCMC-TCHQ		8.006.868		8.006.868				8.006.868		8.006.868			
2.3	Mua sắm và triển khai lắp đặt hệ thống mạng, bảo mật cho các đơn vị Hải quan theo hợp đồng số 20110624/TCHQ/CNTT-FIS/FS/ENDU		6.520.417		6.520.417				6.520.417		6.520.417			

STT	Nội dung	Phê duyệt tại Quyết định số 1515/QĐ-BTC							Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		SL	Tổng cộng	Năm 2012		Các năm tiếp theo		SL	Tổng cộng	Năm 2012		Các năm tiếp theo				
				Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư			Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư			
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7		
2.4	Mua sắm và triển khai hệ thống làm mát cho các Cục Hải quan thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu	3.214.100	3.214.100	3.214.100	3.214.100	-	3.214.100	3.214.100	3.214.100	3.214.100	3.214.100	-	3.214.100	-		
2.5	Triển khai hệ thống chống sét cho các đơn vị Hải quan theo hợp đồng số 01HBD/ELINCO-TCHQ/2011	1.164.965	1.164.965	1.164.965	1.164.965	-	1.164.965	1.164.965	1.164.965	1.164.965	1.164.965	-	1.164.965	-		
3	Diện vụ kênh truyền	11.570.080	11.570.080	11.570.080	11.570.080	-	11.570.080	11.570.080	11.570.080	11.570.080	11.570.080	-	11.570.080	-		
3.1	Hợp đồng dịch vụ MegAVAN 2011/TCHQ-VTN/2010-2011	3.464.944	3.464.944	3.464.944	3.464.944	-	3.464.944	3.464.944	3.464.944	3.464.944	3.464.944	-	3.464.944	-		
3.2	Hợp đồng thuê kênh truyền	5.880.692	5.880.692	5.880.692	5.880.692	-	5.880.692	5.880.692	5.880.692	5.880.692	5.880.692	-	5.880.692	-		
3.3	Hợp đồng thuê kênh truyền 2010/TCHQ-VTN/2010-2011	2.224.444	2.224.444	2.224.444	2.224.444	-	2.224.444	2.224.444	2.224.444	2.224.444	2.224.444	-	2.224.444	-		
II	Các nội dung lập đề cương và dự toán chi tiết															
III	Các nội dung không lập dự án, không lập đề cương và dự toán chi tiết.															
B	CÁC NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT NĂM 2011 TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2012	222.669.700	5.999.300	70.116.280	146.554.120	202.578.806	1.753.105	84.601.903	205.000	116.018.798	29.511.895					
I	Các nội dung lập dự án	199.469.700	5.999.300	59.626.280	133.844.120	37.805.000	1.753.105	6.335.000	205.000	29.511.895						
1.1	Xây dựng CSDL quốc gia về hàng hóa xuất nhập khẩu nhằm cung cấp các thông tin tổng hợp (dự án số 2)	7.149.700	-	1.429.940	5.719.760	8.000.000	3.200.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000			Hủy do triển khai VNACCs có rất nhiều chỉ tiêu thông tin thay đổi		
1.2	Xây dựng phần hệ tiếp nhận bản khai hàng hóa, các chứng từ khác có liên quan và thông quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh phục vụ thủ tục hải quan điện tử (c/Variant-giai đoạn 1)	8.000.000	4.434.300	16.850.340	39.215.360	25.500.000	1.753.105	3.135.000	-	20.611.895	20.611.895			Phần mềm: 02 data Power		
1.3	Nâng cấp, triển khai hệ thống thông quan điện tử theo mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục	60.500.000	16.500.000	3.135.000	12.540.000	16.500.000	825.000	3.135.000	-	12.540.000	12.540.000					
1.3.1	Phần mềm	44.000.000	3.609.300	13.715.340	26.675.360	9.000.000	928.105	-	-	8.071.895	8.071.895					
1.3.2	Thiết bị	35.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
1.3.2.1	Hệ thống máy chủ tại trụ sở Tổng cục	35.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
1.3.2.2	Thiết bị DataPower	9.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
1.4	Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị CNTT cho các đơn vị Hải quan	92.520.000	-	27.756.000	64.764.000	8.071.895	-	-	-	8.071.895	8.071.895					

STT	Nội dung	SL	Phê duyệt tại Quyết định số 151/5/QĐ-ĐBTC					Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung					Ghi chú		
			Tổng cộng	Năm 2012		Các năm tiếp theo		Tổng cộng	Năm 2012		Các năm tiếp theo				
				Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư		Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư			
1		3	4=5+6+7+8	5	6	7	8	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7	
1.4.1	Hệ thống máy chủ TTDL	1	27.500.000		8.250.000		-								Phục vụ chuyển đổi CSDL từ SQL sang Oracle
1.4.2	Máy chủ cho toàn ngành	156	18.000.000		5.400.000		-								
1.4.3	Máy tính để bàn	1.200	20.400.000		6.120.000		-								
1.4.4	Ổ cứng	1.200	120.000		36.000		-								
1.4.5	Lưu điện cho máy để bàn	1.200	3.600.000		1.080.000		-								
1.4.6	Máy tính xách tay	200	4.000.000		1.200.000		-								
1.4.7	Lưu điện tập trung	24	6.000.000		1.800.000		-								
1.4.8	Máy in A4	300	2.700.000		810.000		-								
1.4.9	License quản trị tập trung	1	2.500.000		750.000		-								
1.4.10	License Windows Server	150	2.700.000		810.000		-								
1.4.11	Dịch vụ triển khai dự án	1	5.000.000		1.500.000		-								
1.5	Nâng cấp, triển khai mở rộng hệ thống bảo mật cho các đơn vị Hải quan.		26.300.000		1.315.000		17.095.000		4.305.000			205.000		4.100.000	
1.5.1	Phần mềm diệt Virus	1	1.000.000		-		-								
1.5.2	Hệ thống dò quét điểm yếu an ninh tại Tổng cục.	1	1.500.000		-		-		1.425.000					1.425.000	Chuyển sang năm 2013 thực hiện đối với các nội dung sau:
1.5.3	Hệ thống giám sát an ninh tập trung	1	2.500.000		-		-		2.375.000					2.375.000	1. Hệ thống dò quét điểm yếu an ninh tại Tổng cục
1.5.4	Hệ thống xác thực	1	2.500.000		-		-		-					-	2. Hệ thống giám sát an ninh tập trung.
1.5.5	Firewall cơ sở dữ liệu cho Trung tâm dữ liệu	9	7.200.000		-		-		-					-	3. Một phần dịch vụ triển khai (300 tr.)
1.5.6	Firewall cơ sở dữ liệu cho 24 Cục Hải quan	24	9.600.000		-		-		-					-	4. Chi phí chuẩn bị đầu tư 205 tr.
1.5.7	Dịch vụ triển khai	1	2.000.000						300.000					300.000	
1.6	Nâng cấp, triển khai hệ thống quản lý dịch vụ thư mục quản lý dữ liệu người dùng, thư điện tử, phát hiện và ngăn chặn phần mềm độc hại, hệ cơ sở dữ liệu cho toàn ngành Hải quan.		5.000.000		250.000		2.250.000								
II	Các nội dung lập đề cương và dự toán chi tiết		16.200.000		6.790.000		9.410.000		13.300.000					7.670.000	
1	Xây dựng triển khai HTTP quản lý kế toán ăn chi ngành Hải quan		2.500.000		1.000.000		1.500.000		2.500.000					1.500.000	
2	Nâng cấp hệ thống NetOffice		700.000		280.000		420.000		700.000					420.000	
3	Nâng cấp các ứng dụng nghiệp vụ trong ngành Hải quan để áp dụng chữ ký số		2.900.000		1.160.000		1.740.000								Hủy cho đến khi triển khai xong dự án VNACCS
4	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý CSDL Danh mục, biểu thuế và phân loại mức thuế		2.800.000		560.000		2.240.000		2.800.000					2.240.000	

STT	Nội dung	SL	Tổng cộng	Phê duyệt tại Quyết định số 1515/QĐ-ĐTCTC Năm 2012				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Năm 2012				Ghi chú		
				Các năm tiếp theo		Các năm tiếp theo		Các năm tiếp theo						
				Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư					
1		3	4=5+6+7+8	5	6	7	8	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7
5	Xây dựng nâng cấp hệ thống thông tin quản lý vi phạm hải quan		2.900.000		1.160.000		1.740.000		2.900.000		1.160.000		1.740.000	
6	Nâng cấp công nghệ thông tin ngành Hải quan tăng cường cung cấp dịch vụ công.		1.500.000		600.000		900.000		1.500.000		600.000		900.000	
7	Mua sắm lắp đặt hệ thống chống sét cho các đơn vị Hải quan		2.900.000		2.030.000		870.000		2.900.000		2.030.000		870.000	
III	Các nội dung không lắp dự án, không lắp để công và dự toán chi tiết.		7.000.000		3.700.000		3.300.000		151.473.806		72.636.903		78.836.903	
1	Thuê Trung tâm dữ liệu bên ngoài để backup dự phòng hệ thống CNTT của Ngành.	1	6.000.000		3.000.000		3.000.000		-		-		-	Hủy. Đã xây dựng TTDL tại trụ sở mới
2	Tư vấn triển khai thực hiện tiêu chuẩn ISO về an toàn thông tin.		1.000.000		700.000		300.000		1.000.000		700.000		300.000	
3	Thuê quản trị hệ thống AD, Email tập trung toàn ngành; thuê giám sát, quản trị hệ thống an ninh an toàn cho TTDL Tổng cục.													Hủy. TCHQ tư quản trị vận hành
4	Nâng cấp, triển khai hệ thống quản lý dịch vụ thư mục quản lý dữ liệu người dùng, thư điện tử, phát hiện và ngăn chặn phần mềm độc hại, hệ cơ sở dữ liệu cho toàn ngành Hải quan.								4.750.000		2.375.000		2.375.000	
5	Phần cứng								139.123.806		69.561.903		69.561.903	
5.1	Hệ thống máy chủ tại trụ sở Tổng cục								32.318.806		16.159.403		16.159.403	Phục vụ việc nâng cấp hệ thống E-Customs tập trung cấp Tổng cục
5.2	Hệ thống máy chủ tại trụ sở Tổng cục								27.500.000		13.750.000		13.750.000	Phục vụ chuyển đổi CSDL từ SQL sang Oracle
5.3	Máy chủ cho toàn ngành								18.000.000		9.000.000		9.000.000	
5.4	Máy tính để bàn								20.400.000		10.200.000		10.200.000	
5.5	Ổ cứng								120.000		60.000		60.000	
5.6	Lưu điện cho máy để bàn								3.600.000		1.800.000		1.800.000	
5.7	Máy tính xách tay								4.000.000		2.000.000		2.000.000	
5.8	Lưu điện tập trung								6.000.000		3.000.000		3.000.000	
5.9	Máy in A4								2.700.000		1.350.000		1.350.000	
5.10	License quản trị tập trung								2.500.000		1.250.000		1.250.000	Phục vụ Tổng cục và 9 TTDL
5.11	License Windows Server								2.700.000		1.350.000		1.350.000	
5.12	Phần mềm diệt Virus								950.000		475.000		475.000	
5.13	Hệ thống xác thực								2.375.000		1.187.500		1.187.500	
5.14	Firewall cơ sở dữ liệu cho Trung tâm dữ liệu								6.840.000		3.420.000		3.420.000	

STT	Nội dung	SL	Phê duyệt tại Quyết định số 1515/QĐ-BTC					Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung					Ghi chú	
			Tổng cộng	Năm 2012		Các năm tiếp theo		SL	Tổng cộng	Năm 2012		Các năm tiếp theo		
				Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư			Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chuẩn bị đầu tư		Thực hiện đầu tư
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7
5.15	Firewall cơ sở dữ liệu cho 24 Cục Hải quan							24	9.120.000		4.560.000		4.560.000	
6	Dịch vụ								6.600.000		6.600.000		6.600.000	
3.1	Dịch vụ triển khai trang thiết bị CNTT								5.000.000		5.000.000		5.000.000	
3.2	Dịch vụ triển khai phần bảo mật								1.600.000		1.600.000		1.600.000	
C	CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT NĂM 2012		177.265.400	4.430.000	79.481.080		93.354.320		175.200.975	1.727.975	82.364.250	1.023.000	90.085.750	
1	Các nội dung lập dự án		95.285.400	4.430.000	16.061.080		74.794.320		63.622.475	1.727.975	4.435.000	1.023.000	56.436.500	
1	Nâng cấp, trên khai hệ thống kế toán thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục.	1	10.600.000	530.000	2.014.000		8.056.000		9.200.000	300.000	1.780.000	-	7.120.000	
1.1	Phần mềm	1	6.000.000	300.000	1.140.000		4.560.000		9.200.000	300.000	1.780.000		7.120.000	Điều chỉnh tổng mức đầu tư từ 6 tỷ lên 9,2 tỷ
1.2	Thiết bị		4.600.000	230.000	874.000		3.496.000							
1.2.1	Hệ thống máy chủ cơ sở dữ liệu	2	4.000.000											Phục vụ việc nâng cấp hệ thống KTT tập trung cấp Tổng cục
1.2.2	Máy chủ	3	600.000											
2	Xây dựng phần hệ tiếp nhận, xử lý thông tin trước về hành khách và hàng hóa trên các chuyến bay thường mai phục vụ mở rộng thông quan điện tử và quản lý rủi ro		9.000.000	450.000	1.710.000		6.840.000		4.500.000	225.000	855.000		3.420.000	
2.1	Phần mềm		4.500.000	225.000	855.000		3.420.000		4.500.000	225.000	855.000		3.420.000	
2.2	Thiết bị		4.500.000	225.000	855.000		3.420.000							
2.2.1	Máy chủ cơ sở dữ liệu	1	4.500.000	225.000	855.000		3.420.000							Phục vụ việc chạy ứng dụng tập trung cấp Tổng cục
3	Xây dựng CSDL, quốc gia về hàng hoá xuất nhập khẩu nhằm cung cấp các thông tin tổng hợp (đơn số 2) (Bổ sung kinh phí mua máy chủ vì trước đây tách phần cứng và phần mềm riêng).		2.185.400		437.080		1.748.320							Hủy do triển khai VNACCS có rất nhiều chỉ tiêu thông tin thay đổi
4	Xây dựng phần hệ tiếp nhận bàn khai hàng hoá, các chứng từ khác có liên quan và thông quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh phục vụ thủ tục hải quan điện tử (eVantier-giải đoạn II). (Bổ sung 4,5 tỷ cho giải đoạn II, Theo QĐ 2278 phê duyệt chủ trương đầu tư cho cả 2 GD là 12,5 tỷ)		4.500.000		1.800.000		2.700.000		4.500.000		1.800.000		2.700.000	
5	Nâng cấp, triển khai hệ thống bảo mật cho các đơn vị Hải quan		22.000.000	1.100.000	6.600.000		14.300.000		20.460.000		1.023.000		19.437.000	
5.1	IPS cho 24 Cục Hải quan tỉnh, thành phố	24	8.250.000										7.837.500	
5.2	Firewall ứng dụng cho Tổng cục	2	1.980.000										1.881.000	

STT	Nội dung	Phê duyệt tại Quyết định số 151/S/QP-BTC						Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú	
		SL	Tổng cộng	Năm 2012		Các năm tiếp theo		SL	Tổng cộng	Năm 2012		Các năm tiếp theo			
				Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư			Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư		
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7	
3.3	Firewall ứng dụng cho 33 Cục Hải quan	33	10.230.000											9.718.500	Chuyển sang năm 2013 thực hiện đối với các nội dung sau: 1. 24 IPS cho 24 cục Hải quan tỉnh, thành phố 2. 2 Firewall ứng dụng cho Tổng cục. 3.33 ứng dụng cho 33 Cục Hải quan 4. Chi phí chuyển bị đầu tư: 1.023 tr.
5.4	Web caching/Load Balancing cho Tổng cục	2	1.540.000												
6	Nâng cấp, triển khai hệ thống quản lý dịch vụ thư mục quản lý dữ liệu người dùng, thư điện tử, phát hiện và ngăn chặn phần mềm độc hại, hệ cơ sở dữ liệu cho toàn ngành Hải quan		7.000.000	350.000	3.500.000		3.150.000								
7	Nâng cấp, triển khai mở rộng hạ tầng truyền thông phục vụ triển khai dự án Hiện đại hoá Hải quan VNACCS/VICIS		40.000.000	2.000.000		38.000.000			18.962.475	902.975			18.059.500	TCHQ thực hiện mua sắm trực tiếp, lập trung tại Bộ đối với trang thiết bị liên quan đến hạ tầng truyền thông thống nhất ngành. Tái chính.	
7.1	Router cho các Cục Hải quan tỉnh, thành phố	33	8.640.000												
7.2	Router cấp mới cho các Chi cục Hải quan để chạy Active/Standby	200	15.000.000					200	14.250.000				14.250.000		
7.3	Router thay thế cho các Chi cục Hải quan hết khấu hao cấp năm 2005/2007	150	11.250.000												
7.4	Thiết bị Gateway cho các Bộ phận giám sát công sáng	200	4.010.000					200	3.809.500				3.809.500		
7.5	Bộ License phần mềm giám sát mạng WAN	1	1.100.000												
8	Nâng cấp, triển khai hệ thống thông tin giá tính thuế để kết nối/chuyển đổi dữ liệu với hệ thống VNACCS/VICIS						300.000		6.000.000				5.700.000	Dự án phát sinh mới	
II	Các nội dung lập đề cương và dự toán chi tiết		40.000.000						42.900.000				1.740.000		
1	Tổng cục		12.000.000						12.000.000				41.160.000		
	TP. Hồ Chí Minh (gồm kinh phí để mua sắm nhỏ lẻ và kinh phí để thực hiện việc triển khai đảm bảo an toàn thông tin cho Cục Hải quan TPHCM theo tiêu chuẩn ISO 27001 với kinh phí 2.900.000.000 đồng)		9.000.000						9.000.000				9.000.000		
	8 Cục Hải quan có Trung tâm dữ liệu		8.000.000						8.000.000				8.000.000		
	Các Cục Hải quan còn lại		11.000.000						11.000.000				11.000.000		
2	Nâng cấp một số ứng dụng CNTT phục vụ triển khai Thông tư số 15/2012/TT-BTC ngày 08/02/1012 và thủ tục hải quan điện tử								2.900.000				1.160.000	1.740.000	Phê duyệt bổ sung

STT	Nội dung	Phê duyệt tại Quyết định số 1515/QĐ-BTC						Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú
		SL	Tổng cộng	Năm 2012		Các năm tiếp theo		SL	Tổng cộng	Năm 2012		Các năm tiếp theo		
				Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Thực hiện đầu tư	Thực hiện đầu tư			Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Thực hiện đầu tư		
1		3	4=5+6+7+8	5	6	7	8	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7
III	Các nội dung không lập dự án, không lập đề cương và dự toán chi tiết.		41.980.000		23.420.000		18.560.000		68.678.500		36.769.250		31.909.250	
I	Dịch vụ		39.200.000		20.640.000		18.560.000		29.200.000		15.640.000		13.560.000	
I.1	Trình khai mở rộng công thanh toán điện tử thu thuế XNK qua các ngân hàng thương mại		2.900.000		1.160.000		1.740.000		2.900.000		1.160.000		1.740.000	Hủy không thực hiện vì qua 2 năm (2010-2011) trên khai hiện tại hệ thống đã đi vào hoạt động ổn định các vướng mắc phát sinh cần hỗ trợ đã giải.
I.2	Thuê dịch vụ bảo trì các hệ thống ứng dụng CNTT phục vụ thủ tục hải quan điện tử	1	7.000.000		3.500.000		3.500.000							
I.3	Bảo trì bảo dưỡng		19.900.000		10.000.000		9.900.000		19.900.000		10.000.000		9.900.000	Kinh phí cấp cho các Đơn vị: Tổng cục HQ: 4.500 triệu đồng; HQ HCM: 3.000 triệu đồng; 08 Cục có TTDL: 500 triệu đồng/01 đvt; 24 Cục còn lại: 350 triệu đồng/01 đvt
I.4	Thuê Trung tâm dữ liệu bên ngoài để backup dữ phòng hệ thống CNTT của Ngành.		3.000.000		1.500.000		1.500.000							Hủy: Đã xây dựng TTDL tại trụ sở mới
I.5	Thuê quản trị hệ thống AD, Email tập trung toàn ngành; thuê giám sát, quản trị hệ thống an ninh an toàn cho TTDL Tổng cục.													Hủy: TCHQ tự quản trị vận hành
I.6	Tư vấn triển khai thực hiện tiêu chuẩn ISO về an toàn thông tin.		700.000		490.000		210.000		700.000		490.000		210.000	
I.7	Thuê dịch vụ kiểm định và đánh giá mức độ an toàn thông tin cho Tổng cục Hải quan và các Cục Hải quan tỉnh, thành phố (trừ Cục HQ TP. Hồ Chí Minh)		5.700.000		3.990.000		1.710.000		5.700.000		3.990.000		1.710.000	

STT	Nội dung	SL	Phê duyệt tại Quyết định số 1515/QĐ-BTC				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú			
			Năm 2012		Các năm tiếp theo		Năm 2012		Các năm tiếp theo					
			Chẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Chẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư				
1		3	4=5+6+7+8	5	6	7	8	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7
4,7	Tập huấn Công nghệ thông tin cho cán bộ chuyên trách toàn Ngành (Cơ CNTT chủ trì, các Công ty và các Hãng lớn). Các chương trình ứng dụng sau khi được nâng cấp		200.000		200.000				200.000		200.000			
4,8	Đào tạo Quản trị DataPower và triển khai với XIB60 (Phần 1: Accelerate, Secure, and Integrate with IBM WebSphere DataPower SOA Appliances và Phần 2: Implementing B2B Solutions with the IBM WebSphere DataPower B2B Appliance XIB60)		600.000		600.000				600.000		600.000			